TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MÙ CANG CHẢI** **TỈNH YÊN BÁI** Bản án số: 08 /2020/HS-ST Ngày: 11 - 3 - 2020	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂNhuyện M C C, tỉnh Y B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: 1,Bà Trần Thị Nguyệt

2, Ông Phạm Đức Thịnh

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Hoàng Vũ Công, thư ký tòa án nhân dânhuyện M C C, tỉnh Y B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dânhuyện M C C, tỉnh Y B *tham gia phiên tòa:* Ông Nông Văn Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở tòa án nhân dânhuyện M C C, tỉnh Y B, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2020/TLST- HS ngày 22 tháng 01 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08 /2020/QĐXXST - HS ngày 24 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1.Lù A S; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993; tạihuyện M C C, tỉnh Y B; Nơi cư trú: Bản Lùng Cúng, xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lù Cháng D - Sinh năm 1963 và bà Chang Thị Nu - Sinh năm 1963; có vợ là Sùng Thị Dúa - Sinh năm 1995 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không; tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

2.Lù Cháng D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1963 tại:huyện M C C, tỉnh Y B; Nơi cư trú: Bản Lùng Cúng, xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;Con ông: Lù Tồng Say và bà: Chang Thị Sầu (Đều Đã chết); có vợ là Chang Thị Nu - Sinh năm 1965 và 06 con; Tiền án, tiền sự: không; tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

3.Lù Dua D; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1955; tại:huyện M C C, tỉnh Y B; Nơi cư trú: Bản Lùng Cúng, xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B. Nghề nghiệp: Trồng trọt ; Trình độ học vấn: Không; Dân tộc: Mông;Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lù Chù Chu và bà Vàng Thị Dua (Đều đã

chết);Có vợ là Chang Thị Khua - Sinh năm 1954 và 07 con; Tiền án, tiền sự: không; tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

4.Lù A L; Tên gọi khác: Không; Sinh năm 1993 tại:huyện M C C, tỉnh Y B; Nơi cư trú: Bản Lùng Cúng, xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B. Nghề nghiệp: Trồng trọt;Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lù Bua Lềnh - Sinh năm 1973 và bà Chang Thị Máy – Sinh năm 1973;Có vợ là Chang Thị Xày - Sinh năm 1993 và 03 con; Tiền án, tiền sự: không; tại ngoại tại nơi cư trú. Có mặt.

- *Bị hại:*

+ Hàng A Dờ, Sinh năm 1999

Trú tại: Bản Có Mông, xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B. Có mặt.

- *Người làm chứng:*

+ Lù A Giàng, Sinh năm 2002

Trú tại: Bản Lùng Cúng, xã Nậm Có,huyện M C C, Yên Bái. Có mặt.

+Hàng A Của, sinh năm 1990

Trú tại: Bản Thào Xa Chải, xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B. Có mặt.

+ Lý A Tông, sinh năm 1992

Trú tại: Bản Kháo Nhà, xã Cao Phạ,huyện M C C, Yên Bái. Có mặt.

+ Chang A Chua, sinh năm 1985

Trú tại: Bản Lùng Cúng, xã Nậm Có,huyện M C C, Yên Bái. Có mặt.

- *Người phiên dịch tiếng Mông:* Ông Lý A Dà

Địa chỉ: tổ 5, thị trấn Mù Cang Chải,huyện M C C, tỉnh Y B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 27/07/2019 Lù A S cùng với Lù A Giàng đi ăn tối tại bản Tà Ghênh, xã Nậm Có,huyện M C C thì bị nhóm của Hàng A Dờ gây sự đánh bị thương ở đầu, lưng. Tối ngày 29/07/2019 Lù Cháng D (Là bố đẻ Lù A S, Lù A Giàng) nói với Lù A S, Lù A Giàng, Lù A L, cùng mấy thanh niên, xuống xem, gặp Dờ thì bắt về để gọi bố mẹ Dờ đến giải quyết, Dà bảo mang theo dây thừng để trói Dờ, đề phòng Dờ mang theo dao và để Dờ không bỏ chạy được, lúc này Lù Dua D đang ở đó nên cũng tham gia nói với những người đi tìm bắt Hàng A Dờ về để gọi bố mẹ đến giải quyết. Ngay sau đó Lù A S, Lù A Giàng, Lù A L, Lý A Tông, Hàng A Của, cầm theo giây thừng, đi xuống bản Tà Ghênh thì gặp Hàng A Dờ, Sở yêu cầu Dờ cùng đi về nhà Sở giải quyết, nhưng Dờ không chịu, Sở dùng đầu gối thúc vào mông Dờ và Lò dùng gậy tre dọa đánh, thì Dờ mới chịu đi, Sở và Lò mỗi người giữ một tay Dờ đưa về nhà, đi được hơn 100 mét, Sở dùng giây thừng buộc

quanh người Dờ 01 vòng, rồi dẫn Dờ về nhà lúc này khoảng 22 giờ ngày 29/07/2019, Lù Dua D bảo Lù Cháng D lấy dây từ trong nhà ra trói hai tay Dờ ra sau lưng, rồi buộc vào cọc rào gần nhà để tra hỏi Dờ tại sao đánh Lù A Giàng và Lù A S. Khoảng 00 giờ ngày 30/07/2019 Sở dẫn Dờ vào trói ở cột trong nhà, đến khoảng 05 giờ ngày 30/07/2019 Chang A Chua cởi trói cho Dờ.

Trong quá trình điều tra các bị cáo đã thỏa thuận, tự nguyện bồi thường cho Dờ số tiền 35.000.000,đồng (Ba mươi lăm triệu đồng). Hàng A Dờ không đề nghị gì về hành vi xâm hại sức khỏe của bản thân, nên cơ quan Điều tra không trưng cầu giám định sức khỏe đối với Dờ.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm:

01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 1,67 mét. Tình trạng cũ đã qua sử dụng, dây đã bị ngả màu

01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 1,87 mét. Tình trạng cũ đã qua sử dụng, dây đã bị ngả màu

01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 8,98 mét, hai đầu buộc thắt nút. Tình trạng cũ đã qua sử dụng

Bản Cáo trạng số 04 /CT-VKS-MCC ngày 12/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dânhuyện M C C, tỉnh Y B đã truy tố các bị cáo về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật " theo khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với các bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Áp dụng khoản 1 Điều 157; Điểm b,i, s Khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điều 65 của Bộ luật hình sự đối với các bị cáo, xử phạt các bị cáo: Lù A S, Lù Cháng D, Lù Dua D, Lù A L mỗi bị cáo từ sáu đến chín tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng;

Về vật chứng: xử lý theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không tranh luận gì. Khi nói lời sau cùng, các bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉ T XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện Kiểm sát, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được

thực hiện hợp pháp.

[2]Tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi mình đã thực hiện, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện, ngày 29/7/2019 các bị cáo đã có hành vi bắt, giữ Hàng A Dờ từ khoảng 22h ngày 29/7/2019 đến 05h ngày 30/7/2019; các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhưng vẫn thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm; Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm quyền quyền tự do thân thể của con người được pháp luật bảo vệ. Như vậy, đã có đủ cơ sở để khẳng định hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", quy định tại khoản 1 Điều 157 của Bộ luật Hình sự.

[3] Các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, đều là người thực hành, nên phải chịu trách nhiệm hình sự như nhau.

[4] Xét nhân thân các bị cáo đều không có tiền án tiền sự nên xác định là người có nhân thân tốt, các bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh ra và lớn lên tại xã khó khăn nên nhận thức và hiểu biết pháp luật hạn chế, tại phiên toà các bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, đã tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại, bị hại cũng có lỗi và đã xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; nên các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm b,i,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Các bị cáo được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 và 01 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 điều 51 của bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, xét thấy không nhất thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo, giáo dục các bị cáo. Về hình phạt bổ sung theo khoản 4 Điều 157 của Bộ luật hình sự, thì người phạm tội còn có thể bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ một năm đến năm năm. Tuy nhiên các bị cáo không có chức vụ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] Về vật chứng của vụ án:

01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 1,67 mét. Tình trạng cũ đã qua sử dụng, dây đã bị ngả màu; 01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 1,87 mét. Tình trạng cũ đã qua sử dụng, dây đã bị ngả màu; 01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 8,98 mét, hai đầu buộc thắt nút. Tình trạng cũ đã qua sử dụng. Các vật chứng này không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

[6]Đối với hành vi gây tổn thương cơ thể Hàng A Dờ, giữa Hàng A Dờ và những người gây thương tích đã thỏa thuận mức bồi thường, Hàng A Dờ đã tự

nguyện viết đơn đề nghị không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với những người đã gây thương tích cho mình nên không đặt vấn đề xử lý trong vụ án này.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH :

Căn cứ vào khoản 1 Điều 157 của Bộ luật hình sự

Tuyên bố các bị cáo Lù A S, Lù Cháng D, Lù Dua D và Lù A L phạm tội "Bắt, giữ người trái pháp luật"

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lù A S **06 (Sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là một năm kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lù Cháng D **06 (Sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là một năm kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lù Dua D **06 (Sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là một năm kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 157; các điểm b,i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật hình sự, xử phạt Lù A L **06 (Sáu) tháng tù** nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách là một năm kể từ ngày tuyên án.

Giao các bị cáo Lù A S, Lù Cháng D, Lù Dua D và Lù A L cho UBND xã N C, huyện M C C, tỉnh Y B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo. Trong trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 1,67 mét. Tình trạng cũ đã qua sử dụng, dây đã bị ngả màu; 01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 1,87 mét. Tình trạng cũ đã qua sử dụng, dây đã bị ngả màu; 01 sợi dây thừng màu trắng, có đường kính 0,4 Cm, dài 8,98 mét, hai đầu buộc thắt nút. Tình trạng cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Căn cứ Điều l36 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án

phí hình sự sơ thẩm .

Các bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo trong hạn l5 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKS tỉnh Yên Bái
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái;
- VKShuyện M C C;
- Công anhuyện M C C;
- THAhuyện M C C;
- UBND xã Nậm Có,huyện M C C;
- Bị cáo (4);
- Bị hại;
- Hồ sơ THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Mạnh Hùng